

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST

Ngày: 23/8/2022

“V/v tranh chấp yêu cầu mở lối đi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP**
Thành phần Hội đồng xét xử dân sự sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Ph
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phi H
2. Bà Trần Thị Ph
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thụy Thùy Tr – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông Trần Cao L - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2022 tại trụ sở Tòa án huyện Châu Thành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 43/2019 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành về “Yêu cầu mở lối đi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXX-ST ngày 27/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960;
Bà Lê Thị L, sinh năm 1960;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T là bà Lê Thị L, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Võ Thành N, văn phòng luật sư Chí C, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- 1/ Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1980 (con bà L);
- 2/ Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1983 (con bà L);
- 3/ Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1984 (con bà L);
- 4/ Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1987 (con bà L);

5/ Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1992 (con bà L);

6/ Trương Quốc H, sinh năm 1986 (chồng chị Ngọc H);

7/ Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1994 (con bà L);

8/ Dương Văn M, sinh năm 1988 (rể bà L);

Người đại diện theo ủy quyền của Ngọc Th, Mỹ L, Tuyết Ng, Ngọc A, Ngọc H, Ngọc H và Dương Văn M là bà Lê Thị L, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

9/ Nguyễn Lê Quốc Th, sinh năm 2008 (cháu bà L);

Người đại diện hợp pháp của Quốc Th là chị Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1984.

10/ Dương Nguyễn Ngọc Yến N, sinh năm 2011 (cháu bà L);

Người đại diện hợp pháp của Yến Nh là chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1987.

11/ Kha Nguyễn Anh K, sinh năm 2012 (cháu bà L);

Người đại diện hợp pháp của Anh K là chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1983.

Cùng Địa chỉ: Tổ 7, ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

12/ Trần Văn D, sinh năm 1970 (chồng chị Th);

13/ Trần Văn Hoài B, sinh năm 2000 (con chị Th);

Người đại diện theo ủy quyền của Trần Văn D và Trần Văn Hoài B là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

14/ Trần Minh Tr, sinh năm 2003 (con chị Th);

Người đại diện hợp pháp của Trần Minh Tr là chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974;

Cùng Địa chỉ: Tổ 7, ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

15/ Ông Dương Văn Ch, sinh năm 1937;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn Ch là chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị L, trình bày:

Hộ ông T, bà L có 02 phần đất gồm thửa số 08, tờ bản đồ số 27, đất ở tại nông thôn và thửa số 1486, tờ bản đồ số 19, đất trồng lúa, cùng tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp, do vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

Từ trước đến nay gia đình bà L và các hộ có ruộng, vườn phía sau đều sử dụng lối đi trên bờ kênh của con kênh Giáo Chỉ, từ thửa đầu ngoài lộ kênh mới đến thửa 1486 kênh Giáo Chỉ ổn định từ nhiều năm nay.

Đến năm 2017 bà Thủy mua đất ruộng của ông Nguyễn Văn M (chú ruột bà Th) tiếp giáp với phần đất ruộng của bà L thuộc thửa số 1486, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp A, xã A. Sau khi bà Th mua đất trên thì lên vườn và có yêu cầu gia đình bà L mở hàng rào cho bà Th lối đi từ đường đal trước nhà bà L ra vườn của bà Th, gia đình bà L không đồng ý vì từ trước đến nay phần đất bà Th mua đã có lối đi riêng. Từ sự việc gia đình bà L không đồng ý mở lối đi nên bà Th mới rào chặn lối đi cặp kênh qua phần đất của bà Th, nên gia đình bà L không có lối đi để đến phần đất thửa 1486 của bà L, gia đình bà L phải đi bằng xuồng dọc theo kênh Giáo Chỉ nhưng khi nước kém là không đi được.

Nay hộ bà L yêu cầu bà Th cho gia đình bà L một lối đi ngang 1m, dài 27,24m, diện tích theo sơ đồ đặc thực tế là 30m² nằm trên phần đất của bà Nguyễn Thị Th thuộc một phần thửa số 1772, tờ bản đồ số 19, vị trí theo các mốc 1,2,7,8,1, của trích đo hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 06/6/2019. Ông T, bà L thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá cùng ngày 24/12/2019 và thống nhất theo sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 06/6/2019. Tuy nhiên, bà L, ông T tự nguyện trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Th với giá 400.000 đồng/m². Đối với các yêu cầu mở lối đi ngang phần đất ông Ch thì bà L, ông T rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà Th có chuyển nhượng một thửa đất của ông Nguyễn Văn M là chú ruột của bà Th, bà Th được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 26/5/2017 tại thửa số 1772, tờ bản đồ số 19, tọa

lạc tại ấp A, xã A, huyện Châu Thành, Đồng Tháp. Phần đất của bà Th nằm liền kề thửa 08 tờ 27 của gia đình bà L. Bà Th có thỏa thuận với ông T, bà L cho bà lối đi từ đường lộ Kênh mới xuyên qua phần đất của ông T, bà L để đi đến phần đất của bà Th, phía gia đình bà Th sẽ làm một lối đi nối tiếp trên phần đất của bà Th để cho gia đình bà L đi đến đất thửa 1486 của gia đình bà L nằm phía sau đất của bà Th, từ đó bà Th vẫn đi như thỏa thuận trên. Thời gian đầu nhà bà L làm hàng rào lưới B40, sau đó đến tháng 11/2018 âm lịch bà L xây hàng rào kiên cố bằng bê tông thì không cho gia đình bà Th đi nữa. Từ sự việc đó bà Th mới rào ngang ranh đất lại không cho hộ bà L đi qua phần đất của bà Th nữa, hai bên xảy ra tranh chấp. Bà Th phải mua lối đi khác để đi từ rạch Kênh mới vào đất vườn của bà Th. Bà Th thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá cùng ngày 24/12/2019 và thống nhất theo sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 06/6/2019.

Nay hộ bà Th không đồng ý theo yêu cầu của hộ ông T, bà L. Từ khi xảy ra tranh chấp hộ bà Th đã mua đường đi khác vào đất vườn, còn hộ bà L, hộ bà Đ thì đi bằng xuống dọc theo kênh thủy lợi Giáo Chi, mỗi hộ đều đã có lối đi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Dương Văn Ch ủy quyền cho bà Th, bà Th vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên ông Ch có văn bản trình bày: trước đây ông Ch có yêu cầu đối với bà L, ông T về việc mở lối đi, tuy nhiên sau đó ông Ch đã có lối đi riêng nên rút lại yêu cầu, vì vậy ông Ch không có yêu cầu gì trong vụ kiện này. (Bl 343)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngọc Th, Mỹ L, Tuyết Ng, Ngọc A, Ngọc H, Ngọc H, Dương Văn M ủy quyền cho bà L trình bày: thống nhất theo ý kiến ông T, bà L và không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trương Quốc H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có văn bản trình bày: Vợ anh H là Nguyễn Thị Ngọc H và Ngọc H là con ruột của bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T. Vào năm 2019 vợ chồng anh H và chị Ngọc H có mua một thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 19, phần đất của vợ chồng anh H cũng ở phía sau đất của bà Th khi mua đất thì đã biết bà L, ông T đang tranh chấp lối đi với bà Th. Từ lúc mua đất đến nay vợ chồng anh cũng đi bằng xuống đến phần đất, tuy nhiên khi nước cạn thì đi rất khó khăn. Trong quá trình tố tụng vợ chồng anh cũng có yêu cầu mở lối đi như yêu cầu của bà L, ông T, nhưng sau đó anh H, chị H đã rút đơn yêu cầu độc lập không còn tranh chấp gì

trong vụ kiện này. Đồng thời cũng không yêu cầu mở lối đi trên đất của bà Đ, anh Th, bà Th, chị Ng.(B1 346)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tuyết Ng ủy quyền cho bà L trình bày: Tuyết Ng là con ruột của bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T. Vào năm 2019 chị Tuyết Ng có mua một thửa đất số 1914, tờ bản đồ số 19, phần đất này cũng ở cùng dãy đất của bà Th, khi mua đất thì đã biết bà L, ông T đang tranh chấp lối đi với bà Th. Từ lúc mua đất đến nay Tuyết Ng cũng đi bằng xuống đến phần đất, tuy nhiên khi nước cạn thì đi rất khó khăn. Trong quá trình tố tụng Tuyết Ng có yêu cầu mở lối đi như yêu cầu của bà L, ông T, nhưng sau đó Tuyết Ng đã rút đơn yêu cầu độc lập không còn tranh chấp gì trong vụ kiện này. Đồng thời cũng không yêu cầu mở lối đi trên đất của bà Đ, anh Th, bà Th.

Tại phiên tòa, Luật sư Võ Thành N phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, như sau: Thống nhất theo ý kiến trình bày của bà Lê Thị L, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ngoài ra không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã cơ bản thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, cũng như những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định; nên về tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành thấy đảm bảo đủ điều kiện và hợp pháp. Thẩm phán có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Các đương sự là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn là ông T và bà L khởi kiện yêu cầu bà Th và những người trong hộ mở lối đi trên phần đất liền kề, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phải giải quyết là “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi” quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trương Quốc H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Trương Quốc H.

[2]. Về nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hộ ông T, bà L có 02 thửa đất thuộc thửa số 08, tờ bản đồ số 27, đất ở tại nông thôn và thửa số 1486, tờ bản đồ số 19, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp A, xã A. Thửa đất tranh chấp là thửa số 08, tờ bản đồ số 27, đất ở tại nông thôn, giáp ranh đất với hộ bà Thủy tại thửa số 1772, tờ bản đồ số 19.

Hộ ông T, bà L khởi kiện yêu cầu hộ bà Th mở lối đi ngang 1m, dài 25m, diện tích theo sơ đồ đặc thực tế là 30m² thuộc một phần thửa số 1772, tờ bản đồ số 19, do bà Nguyễn Thị Th, đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để hộ ông T, bà L đi đến phần đất thuộc thửa đất số 1486, tờ bản đồ số 19, đất trồng lúa. Nguồn gốc đất của bà Th là nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn M, chú ruột của bà Th, lúc ông M sử dụng dụng thửa đất này, ông M muốn đi vào đất thì đi từ đường Lộ chính Kênh Mới, đi qua đất của bà L mới vào được đất ông M. Đến năm 2017 ông chuyển nhượng hết thửa đất này lại cho bà Th, khi lên đất vườn bà Th vẫn đi nhờ qua thửa đất số 08 của bà L từ đường lộ chính Kênh Mới vào đất vườn thửa số 1772. Đến tháng 11/2018 hộ bà L xây dựng hàng rào bê tông kiên cố không cho hộ bà Th đi qua phần đất của bà L nữa, bà Th không có đường đi nào khác, nên bà Th mua lối đi khác để đi ra đường lộ chính Kênh Mới. Sau đó bà Th làm hàng rào ngang đất của bà Th không cho hộ bà L đi qua phần đất thửa 1772.

[3] Xét nhu cầu về lối đi của hộ ông T, bà L, theo quy định tại Điều 254 “Quyền về lối đi qua” của Bộ luật dân sự năm 2015 “*Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ*”. Tại xã A hộ bà L có quyền sử dụng đối với 02 thửa đất là thửa 08 và thửa 1486:

- Thửa 08 tờ bản đồ số 27, mục đích đất ở tại nông thôn có vị trí giáp đường lộ chính nên không có nhu cầu mở lối đi.

- Thửa 1486, tờ bản đồ số 19, mục đích đất trồng lúa, nguồn gốc do bà L nhận chuyển nhượng từ ông Ba X. Tại phiên tòa bà L xác nhận trước đây ông Ba X đi đến thửa đất này bằng xuồng theo kênh thủy lợi và hiện nay hộ bà L cũng đi bằng phương tiện xuồng, nhưng khi nước kém thì không đi được nên bà L có nhu cầu mở lối đi trên đường bộ dọc theo kênh thủy lợi. Hội đồng xét xử xét thấy theo sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp và các trích lục thửa đất thể hiện để di chuyển bằng đường bộ từ thửa 1486 ra đến lộ chính Kênh mới thì phải xuyên qua các thửa 1913, thửa 1914, thửa 1459, thửa 1772 và thửa 08; trong đó thửa 1913 là của anh H và chị H, thửa 1914 là của chị Tuyết Ng, thửa 1459 là của ông Ch và thửa 1772 là của bà Th và sau cùng là thửa 08 của hộ bà L. Tuy nhiên, bà L chỉ yêu cầu bà Th mở lối đi qua thửa 1772 mà không yêu cầu gì đối với người sử dụng các thửa 1913, thửa 1914, thửa 1459, đồng thời bản thân bà L cũng không đồng ý mở lối đi trên thửa 08. Nếu có mở lối đi trên phần đất của bà Th thì cũng không tạo được lối đi từ thửa 1486 ra đến lộ chính, và bà Th cũng không đồng ý mở lối đi. Mặt khác, từ trước cho đến nay hộ bà L vẫn đi bằng xuồng dưới Kênh Giáo Chỉ (Kênh này do Nhà Nước quản lý) để đi ra phía sau đất ruộng thửa 1486 của bà L. Tại phiên tòa bà L xác nhận ngoài gia đình bà thì ông Th, bà Đ cũng đi bằng xuồng dưới Kênh Giáo Chỉ để đến vườn, ruộng canh tác. Tại văn bản số 230/UBND ngày 25/11/2019 của UBND xã A cũng thể hiện nội dung: “Hiện nay các hộ dân có ruộng, vườn trong kênh Giáo Chỉ hàng ngày phải đến vườn, ruộng để canh tác và chăm sóc nhưng không có lối đi bằng đường bộ mà chỉ đi bằng xuồng...”(Bl 224). Qua đó cho thấy người dân vẫn có thể đi bằng xuồng dưới Kênh Giáo Chỉ để đến vườn, ruộng canh tác, vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà L, ông T.

[3] Ý kiến phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu mở lối đi ngang 01m kéo dài từ thửa đất 1772 của bà Th qua thửa đất số 08, tờ bản đồ số 27 của bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T đến đường lộ Kinh mới, diện tích khoảng 50m². Ngày 04/02/2021 bà Th đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.(Bl 330)

[5] Xét yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Quốc H về việc về việc cầu bà Th mở lối đi ngang 1m, dài 27,24m, diện tích theo sơ đồ đặc thực tế là 30m² nằm trên phần đất của bà Nguyễn Thị Th thuộc một phần thửa số 1772, tờ bản đồ số 19, vị trí theo các mốc 1,2,7,8,1, của trích đo hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 06/6/2019. Ngày 23/3/2021 chị H và anh H đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.(Bl 332)

[6] Xét yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Tuyết Ng về việc về việc cầu bà Thủy mở lối đi ngang 1m, dài 27,24m, diện tích theo sơ đồ đặc thực tế là 30m² nằm trên phần đất của bà Nguyễn Thị Th thuộc một phần thửa số 1772, tờ bản đồ số 19, vị trí theo các mốc 1,2,7,8,1, của trích đo hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 06/6/2019. Ngày 23/3/2021 chị Ng đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.(Bl 333)

[7] Về án phí: Hộ bà Lê Thị L và ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, do bà L và ông T thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí.

[8] Về Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá, ông T, bà L phải nộp tổng số tiền là 5.001.000 đồng (trong đó chi phí đo đạc 4.401.000đồng, chi phí định giá 600.000đồng) bà L đã nộp và đã chi xong.

[9] Xét đề nghị của Đại diện VKS: là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 245, 246 và Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị L về việc cầu bà Th mở lối đi ngang 1m, dài 27,24m, diện tích theo sơ đồ đặc thực tế là 30m² nằm trên phần đất của bà Nguyễn Thị Th thuộc một phần thửa số 1772, tờ bản đồ số 19, vị trí theo các mốc 1,2,7,8,1, của trích đo hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 06/6/2019.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Th đối với bà L và ông T về tranh chấp lối đi.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trương Quốc H đối với bà Nguyễn Thị Th về tranh chấp lối đi.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Tuyết Ng đối với bà Nguyễn Thị Th về tranh chấp lối đi.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hộ bà Lê Thị L và ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, do bà L và ông T thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0005877 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Th số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 007181 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Tuyết Ng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013199 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trương Quốc H số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013198 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành

6. Về Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá: bà L, ông T phải chịu toàn bộ tổng số tiền là 5.001.000đồng (trong đó chi phí đo đạc 4.401.000 đồng, chi phí định giá 600.000đồng) số tiền này bà L đã tạm ứng và đã chi xong.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Viện kiểm sát nhân dân H. Châu Thành(1);
- Chi cục Thi hành án DS. H Châu Thành(1);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ VADS(1);
- Lưu Văn thư (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Phong